

Bản án số: 147/2017/HSST
Ngày: 15/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HOÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Hạnh
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Hồ Văn Dũng
 - 2. Ông Nguyễn Văn Tòng
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Lê Cao Cường
- *Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*
Ông Lê Văn Thiện - Kiểm sát viên

Ngày 15/11/2017, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 159/2017/HSST ngày 30/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D - Sinh ngày: 13/06/1999; Nơi ĐKKHKT: Xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12; Con ông: Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà: Tô Thị T (đã chết); Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Đậu Văn P - Sinh ngày: 10/10/1999; Nơi ĐKKHKT: Xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Đánh cá; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông: Đậu Văn S - Sinh năm: 1975 và con bà: Nguyễn Thị T1 - Sinh năm: 1976; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 29/10/1989; Nơi ĐKKHKT: Xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn D1 - Sinh năm: 1964 và con bà: Lê Thị H - Sinh năm: 1966; Có chồng: Nghiêm Hữu D2 - Sinh năm: 1988; Có 02 con, lớn sinh năm: 2008, nhỏ sinh năm: 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn D: Bà Nguyễn Thị S (là cô ruột của bị cáo) - Sinh năm: 1962

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; "có mặt"

(Theo văn bản cử ngày 26/9/2017).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Ông Nguyễn Tiến D - là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 7, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa; "có mặt".

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đậu Văn P: Bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ đẻ của bị cáo) - Sinh năm: 1976

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; "có mặt".

* Người bào chữa cho bị cáo Đậu Văn P: Ông Lê Khắc H - là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 7, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa; "có mặt".

* Người bị hại:

- Chị Đào Thị H - Sinh năm: 1976

- Anh Mai Hưng H - Sinh năm: 1976

Đều trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa "đều vắng mặt".

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn D, Đậu Văn P và Nguyễn Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào tối ngày đầu tháng 04/2017, do có mối quan hệ bạn bè nên Đậu Văn P, Nguyễn Văn S1, sinh ngày 20/03/2002, Đậu Văn H1, sinh ngày 15/09/2002, Nguyễn Văn T2, sinh ngày 10/12/2001 đều trú tại thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đến nhà Nguyễn Văn D ở cùng thôn ngồi chơi và xem ti vi. Đến khoảng 00h ngày hôm sau, cả 05 đối tượng rủ nhau xuống bến thuyền thuộc thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để ngủ. Khi đi qua khu vực xưởng làm đá của gia đình chị Đào Thị H, sinh năm 1976 ở thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, S1 bảo với mọi người "Có nhà này mới bể nọ, không ai canh cả vào mà lấy đồng". Nghe vậy, tất cả đều đồng ý. Sau đó, D, S1, H1 trèo qua bờ tường phía tây của xưởng làm đá vào trong, còn P và T2 đứng bên ngoài để canh gác. Khi vào trong thì D, S1, H1 bê những thanh đồng giàn nóng của máy làm đá rồi lần lượt đưa ra ngoài cho T2 và P bỏ vào bì tải. Sau khi bê hết số đồng của giàn nóng, các đối tượng đem xuống bến và lấy một chiếc thuyền nan gắn máy chở số đồng trên đến bến gần nhà máy dầu ăn thuộc xã H, huyện T. Sau đó, T2 và P ở lại trông coi thuyền, còn S1, D, H1 đem số đồng trên đến bán cho Nguyễn Thị T. Gặp nhau, S1 nói với T: "Đồng bọn em lấy được dưới tàu không có người coi, em bán lấy tiền đi Hà Nội". Biết rõ số đồng trên là tài sản do các đối tượng trên trộm cắp mà có nhưng T vẫn đồng ý mua với số tiền 3.840.000đ (ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Số tiền bán đồng được các đối tượng đã tiêu xài hết.

Theo kết luận định giá tài sản số: 75/KLĐGTS ngày 06/06/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Tĩnh Gia thì số đồng mà các đối tượng trộm cắp được là 240 mét đồng Φ 16, độ dày 7,1mm được lắp vào giàn nóng máy làm đá có công suất 22kW, lắp đặt từ tháng 03/2016 có giá trị là 15.400.000đ (mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan CSĐT, Nguyễn Văn D và Đậu Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản trên của mình.

Đối với hành vi của Đậu Văn H1, Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Văn T2, quá trình điều tra, cả 03 đối tượng đều không có mặt tại địa phương, nhưng qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện các đối tượng đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội H1, S1 và T2 chưa đủ 16 tuổi. Vì vậy, hành vi của các đối tượng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó đề nghị Công an xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa lập hồ sơ theo dõi, quản lý các đối tượng theo đúng quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Đối với số đồng mà các đối tượng đã bán cho Nguyễn Thị T, T đã bán lại cho một người mua sắt vụn không quen biết nên không thể thu hồi được; đối với chiếc thuyền mà các đối tượng sử dụng để đem tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, do các đối tượng không nhớ đặc điểm cụ thể của chiếc thuyền nên không thể xác minh được.

Về phần dân sự: Sau khi trình báo với Cơ quan điều tra về sự việc mất trộm trên, gia đình chị Đào Thị H đã rời khỏi địa phương, không rõ đi đâu làm gì. Vì vậy chưa rõ việc yêu cầu dân sự của chị H (có biên bản xác minh).

* Quan điểm của ông Nguyễn Tiến D trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D đề nghị HĐXX xem xét:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến nay ở địa phương bị cáo không có vi phạm gì. Bố, mẹ bị cáo đều đã mất nên việc quan tâm chăm sóc dạy dỗ của gia đình đối với bị cáo bị hạn chế. Gia đình D thuộc hộ nghèo.

Với những căn cứ nói trên đề nghị HĐXX áp dụng; Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 68; Điều 69 và Điều 73 BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

* Quan điểm của ông Lê Khắc H trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Đậu Văn P nghị HĐXX xem xét:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến nay ở địa phương bị cáo không có vi phạm gì.

Với những căn cứ nói trên đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 68; Điều 69 và Điều 73 BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Bản cáo trạng số 159/CT-VKS-HS ngày 30/10/2017 của VKSND huyện Tĩnh Gia đã truy tố Nguyễn Văn D và Đậu Văn P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS; truy tố Nguyễn Thị T về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị:

- Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 68; Điều 69 và Điều 73 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P;

+ Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt với các bị cáo cụ thể như sau:

+ Nguyễn Văn D 9 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Đậu Văn P 9 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính từ ngày UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo về cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

+ Nguyễn Thị T 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 3 bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Do không xác định được địa chỉ của người bị hại nên không thu thập được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của người bị hại nên đề nghị HĐXX tách phần dân sự để giải quyết sau. Dành quyền khởi kiện cho người bị hại đối với các bị cáo bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện vụ án dân sự.

Đối với số đồng mà các đối tượng đã bán cho Nguyễn Thị T, T đã bán lại cho một người mua sắt vụn không quen biết nên không thể thu hồi được; đối với chiếc thuyền mà các đối tượng sử dụng để đem tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, do các đối tượng không nhớ đặc điểm cụ thể của chiếc thuyền nên không thể xác minh được, nên đề nghị HĐXX không xét.

- Trách nhiệm chịu án phí đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn D, Đậu Văn P và Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với tang vật vụ án, phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Có đủ căn cứ để khẳng định VKSND huyện Tĩnh Gia truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P về tội “Trộm

cấp tài sản”; truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là đúng pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia thực hành quyền công tố tại phiên toà hôm nay vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn D và Đậu Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS và bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS là chính xác.

* Xét tính chất vụ án:

- Về hành vi "Trộm cắp tài sản" của Nguyễn Văn D và Đậu Văn P: Các bị cáo là những người tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, đáng lẽ phải tự lao động để tạo nguồn thu nhập cho cuộc sống của mình và gia đình. Nhưng do không chịu tu dưỡng, rèn luyện, muốn hưởng thụ nhưng lại không chịu lao động nên đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử buộc phải chịu hình phạt là cần thiết. Do đó cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" của Nguyễn Thị T: Bị cáo biết rõ số đồng mà D và P đem bán cho mình là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 3.840.000đ (so với giá thị trường là thấp). Như vậy, chỉ vì háms lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự pháp luật mà còn gây trở ngại lớn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích những người khác đi vào con đường phạm tội. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là cần thiết để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

* Đánh giá về vai trò của các bị cáo HĐXX thấy rằng:

Đây là vụ án có nhiều người cùng thực hiện tội phạm, nhưng hành vi của các đối tượng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, Nguyễn Văn S1 là người khởi xướng hành vi trộm cắp, tuy nhiên tại thời điểm phạm tội S1, H1 và T2 chưa đủ 16 tuổi. Vì vậy, hành vi của các đối tượng nói trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đã giao cho Công an xã Hải Hà lập hồ sơ theo dõi, quản lý các đối tượng theo đúng quy định của pháp luật. Còn lại các bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P đều là những người thực hiện hành vi trộm cắp nên có vai trò bằng nhau.

Tính đến thời điểm xét xử, hai bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P đã đủ 18 tuổi, nhưng tại thời điểm phạm tội cả hai bị cáo đều chưa tròn 18 tuổi, nên hai bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật theo quy định tại Điều 68, Điều 69 và Điều 73 BLHS.

* Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

- Đối với các bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo. Nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, với nhân thân của các bị cáo như trên hơn nữa các bị cáo có lai lịch rõ ràng, có nơi cư trú ổn định. Căn cứ vào pháp luật hình sự xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng phù hợp và để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, mở đường cho bị cáo hướng tới tương lai để tu dưỡng rèn luyện mình trở thành người công dân lương thiện.

Do cả hai bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P tại thời điểm phạm tội đều chưa tròn 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 73 của BLHS, không khấu trừ thu nhập vì các bị cáo đều không có việc làm.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị T: Tiền án, tiền sự: Không; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, với nhân thân của các bị cáo như trên, hơn nữa bị cáo có lai lịch rõ ràng, nơi cư trú ổn định. Xét thấy bị cáo là phụ nữ, hiện tại đang có thai, do đó nghĩ không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng phù hợp với Điều 60 BLHS cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật để bị cáo tu dưỡng rèn luyện mình trở thành người công dân lương thiện.

Tại phiên tòa, bị cáo khai hiện tại bị cáo và gia đình đang làm ăn, sinh sống tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

* Về hình phạt bổ sung:

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng...". Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P tại thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhưng đến thời điểm xét xử các bị cáo đã đủ 18 tuổi, nhưng cả hai bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 250 BLHS quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 30 triệu đồng...". Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa cho thấy bị cáo là phụ nữ đang nuôi con nhỏ, hiện tại đang mang thai 3 tháng, lại không có

nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Do hiện tại không xác định được địa chỉ của người bị hại nên cơ quan Cảnh sát điều tra chưa thu thập được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của người bị hại. Đến trước ngày mở phiên tòa vẫn không xác định được địa chỉ của người bị hại nên HĐXX căn cứ vào Điều 28 của BLTTHS, quyết định tách phần dân sự để giải quyết sau. Dành quyền khởi kiện cho người bị hại đối với các bị cáo bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu và đủ điều kiện.

Đối với số đồng mà các đối tượng đã bán cho Nguyễn Thị T, T đã bán lại cho một người mua sắt vụn không quen biết nên không thể thu hồi được; đối với chiếc thuyền mà các đối tượng sử dụng để đem tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, do các đối tượng không nhớ đặc điểm cụ thể của chiếc thuyền nên không thể xác minh được, nên HĐXX không xem xét.

* Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố:

- Các bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

* Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 68; Điều 69 và Điều 73 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P;
- Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

* Xử phạt:

1. Nguyễn Văn D 09 tháng cải tạo không giam giữ.
2. Đậu Văn P 09 tháng cải tạo không giam giữ

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P được tính từ ngày UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn D và Đậu Văn P về cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Nguyễn Thị T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T về UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 28 của BLTTHS, tách phần dân sự để giải quyết sau. Dành quyền khởi kiện cho người bị hại đối với các bị cáo bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu và đủ điều kiện.

* Án phí: Áp dụng Điều 99; 231; 234 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23; mục 1 phần I Danh mục án phí lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Đậu Văn P và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa; vắng mặt những người bị hại tại phiên tòa. Tuyên bố những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các bị cáo; người bào chữa;
người bị hại;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hạnh

